**Phụ lục số 28**

**Nội dung Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ**

*(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)*

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ**

**năm 2019**

1. **Thông tin về quỹ**
2. Tên của quỹ, loại hình quỹ: **QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VIỆT NAM**
3. Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFB là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam,), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ. Công ty quản lý Quỹ VFM thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban chứng khoán nhà nước.

1. Thời hạn hoạt động của quỹ: được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, và không giới hạn về thời hạn hoạt động
2. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không có
3. Chính sách phân chia lợi nhuận: Cổ tức Quỹ có thể được phân phối cho nhà đầu tư mỗi năm một lần dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, do đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua. Nguồn để phân phối cổ tức Quỹ phải thỏa các điều kiện qui định trong Điều lệ Quỹ.
4. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành 37.689.999,98 chứng chỉ Quỹ
5. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: được đề cập trong Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2018- Lần 2 của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam ngày 18/04/2019 (chi tiết theo file đính kèm).
6. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2018- Lần 2 của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam ngày 18/04/2019 đã thông qua nội dung kết quả hoạt động của Quỹ năm 2018, ngân sách, kế hoạch hoạt động, những thay đổi về điều lệ quỹ phù hợp với pháp luật…(chi tiết theo file đính kèm)



1. **Ý kiến nhận xét của NHGS về các nội dung quy định tại Điều 45, TT183:**

Căn cứ vào thư xác nhận của Công ty quản lý quỹ từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty quản lý quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại Điều 45 Thông tư 183/2011/TT-BTC về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở về Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin.

1. **Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ**
2. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất:

* Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu…) tại ngày 31/12/2018 gồm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **31/12/2019** | **31/12/2018** | **31/12/2017** |
| 1 | Trái phiếu | 197,788,540,000 | 149,919,500,000 | 222,077,500,000 |
| 2 | Chứng chỉ tiền gửi | 225,000,000,000 | 304,787,559,722 | 119,463,571,258 |
| 3 | Tiền gửi ngân hàng | 52,482,148,566 | 107,897,207,304 | 19,219,316,500 |
| 4 | Tài sản khác | 22,415,038,360 | 111,972,222,470 | 15,277,693,492 |
|  | **Tổng giá trị danh mục** | 497,685,726,926 | 674,576,489,496 | 376,038,081,250 |

* Giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày 31/12/2019 là 491,788,288,327 đồng, tại ngày 31/12/2018 là 671,778,178,931 đồng

-Tại ngày 31/12/2019, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ: 19,454.05. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 25,279,478.82

* Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo: 19,454.05 đồng/ccq
* Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo: 17,819.18 đồng/ccq

Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi…) (giá trị thu nhập);



- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ: không có

- Thời điểm phân chia lợi nhuận: không có

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ (*chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính*);

Tỷ lệ chi phí hoạt động trên GTTSR trung bình trong kỳ (%): 1.17%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục (*chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính*);

- Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ/NAV trung bình trong kỳ năm 2019 : 66.22%

- Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ/NAV trung bình năm 2018 : 129.96%

Nguyên nhân của sự thay đổi này:

Trong năm 2019, tốc độ vòng quay danh mục giảm do tổng giá trị tài sản ròng của quỹ có sự giảm mạnh từ 129,96% tại thời điểm 31/12/2018 xuống 66,22% tại thời điểm 31/12/2019. Lý do cho sự thay đổi này là quỹ thay đổi chiến lược đầu tư chuyển từ đầu tư TPCP sang tập trung đầu tư vào TP doanh nghiệp để tìm kiếm nguồn lợi tức ổn định. Do đó việc giao dịch tài sản của quý đã giảm đáng kể trong năm 2019.

Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong thời hạn 36 tháng (từ thời điểm lập Quỹ 10/6/2013 đến ngày lập báo cáo):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **năm 2019** | **năm 2018** | **năm 2017** |
| **Lợi nhuận bình quân** | 49,126,520,313 | 48,860,985,973 | 42,948,148,502 |

Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ;

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 3 Cty Chứng khoán độc lập của Quỹ và được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm

1. Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.
2. **Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ:**

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ bao gồm các nội dung sau:

1. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: *không có*
2. Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ): Quỹ có tăng trưởng giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ năm 2019 đạt 9,15% cao thứ 2 trong số các quỹ đầu tư trái phiếu đang hoạt động trên thị trường Việt Nam.
3. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): *Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu.*
4. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): *Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu.*

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ: Trong kỳ quỹ áp dụng các chiến lược đầu tư tập trung xây dựng danh mục đầu tư trái phiếu doanh nghiệp cho lợi tức ổn định và tận dụng các cơ hội giao dịch trái phiếu chính phủ để tìm kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá trái phiếu.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo*:*

Tại thời điểm 31/12/2019, phân bổ tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ tính trên giá trị tài sản ròng bao gồm 40% giá trị trái phiếu doanh nghiệp; 45% giá trị chứng chỉ tiền gửi và 11% tiền mặt và tiền gửi ngân hàng. Cơ cấu phân bổ tài sản của quỹ VFM tại 31/12/2019 có sự khác biệt so với thời điểm cuối năm 2018. Tại thời điểm 31/12/2018, phân bổ tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ tính trên giá trị tài sản ròng bao gồm 22,90% giá trị trái phiếu doanh nghiệp; 46,70% giá trị chứng chỉ tiền gửi và 0,3% giá trị tiền mặt và 15,7% tiền gửi ngân hàng. Do khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn vào ngày 29/12/2018 được thanh toán vào ngày 2/1/2019, tại 31/12/2018 quỹ có khoản phải thu tương đương 14,4% tổng tài sản.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Trong giai đoạn từ thời điểm 1/1/2019 tới 31/12/2019, giá trị tài sản ròng (NAV) trên chứng chỉ quỹ tăng từ 17.823,77 đồng lên 19.454,05 đồng tương đương mức tăng trưởng 9,15%. Tăng trưởng NAV nêu trên được đóng góp chủ yếu từ lãi chứng chỉ tiền gửi, lãi từ trái phiếu doanh nghiệp và một phần từ chênh lệch giá trái phiếu Chính phủ và chứng chỉ tiền gửi đã được quỹ giao dịch mua bán trong năm. Tổng giá trị tài sản ròng của quỹ giảm từ 671,778 tỷ đồng xuống mức 491,788 tỷ đồng trong giai đoạn nêu trên. Biến động NAV của quỹ chủ yếu do việc rút vốn của người đầu tư (rút ròng 228,843 tỷ đồng) và kết quả hoạt động đầu tư của quỹ với tổng lợi nhuận đạt 47,083 tỷ đồng. Lợi nhuận hoạt động đầu tư của quỹ VFB có được từ lãi tiền gửi, lãi trái phiếu và lợi nhuận từ việc tăng giá trái phiếu đầu tư.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ; ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): *không có*

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: *không có*

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan : *không có*

**4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát: nội dung như trình bày trong báo cáo giám sát của Ngân Hàng Standard Chartered Việt nam**

Thời gian giám sát hoạt động Quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VFM (Công ty Quản lý Quỹ) trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB) đối với các nội dung sau:

1. Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có): từ 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.
2. Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch : trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ VFMVFB trong giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

* Theo Mục c, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 01 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo: “Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi”.

Tại các kỳ định giá trong năm 2019, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch theo quy định tại Thông tư và Điều lệ Quỹ, chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ chưa khắc phục tình trạng phát sinh sai lệch so với Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 11, Điều lệ quỹ.

* Theo Mục e, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo: “Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành”.

Tại các kỳ định giá trong năm 2019, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch theo quy định tại Thông tư và Điều lệ Quỹ, chi tiết như sau :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Kỳ định giá | Tỷ trọng đầu tư vào trái phiếu có cam kết mua lại của Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP/Tổng giá trị tài sản | Thời hạn khắc phục theo quy định | Tuân thủ Quy định |
| 20/12/2019 | 10,228% | 20/03/2020 | Chưa khắc phục sai lệch |
| 27/12/2019 | 10,295% |
| 31/12/2019 (\*) | 10,316% |

(\*) Tại ngày

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ chưa khắc phục tình trạng phát sinh sai lệch so với Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 11, Điều lệ quỹ.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

1. Việc xác định giá, đánh giá tài sản ròng của Quỹ: việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ cụ thể như sau:

Nghị quyết Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2018 số 04.19/VFB-2019/NQĐH của Quỹ VFMVFB về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung Khoản 1 Điều 63 Điều lệ Quỹ, theo đó giá dịch vụ quản lý được điều chỉnh từ 0.9% thành 1% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ VFMVFB/năm tài chính có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 04 năm 2019. Tuy nhiên, đơn vị cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đã chưa thực hiện điều chỉnh phần thay đổi giá dịch vụ quản lý quỹ cho các kỳ định giá từ ngày 26 tháng 04 năm 2019 đến kỳ định giá ngày 13 tháng 09 năm 2019 dẫn đến giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ đã công bố bị định giá cao hơn với mức độ sai lệch NAV trong khoảng từ 0.002% đến 0.044% cho các kỳ định giá trên. Tổng số tiền chênh lệch phí quản lý quỹ do chưa thực hiện cập nhật phần thay đổi giá dịch vụ từ kỳ định giá ngày 26 tháng 04 năm 2019 đến kỳ định giá ngày 13 tháng 09 năm 2019 đã được điều chỉnh vào kỳ định giá ngày 20 tháng 09 năm 2019.

1. Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ: việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ được tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan hiện hành, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Quỹ đã thực hiện:

* Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: phát hành thêm 9.586.840,23 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 95.868.402.300 đồng.
* Mua lại chứng chỉ Quỹ: Quỹ mua lại 21.997.361,39 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 219.973.613.900 đồng.

e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

**PHỤ LỤC 1**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kỳ định giá** | **Tỷ lệ đầu tư vào Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng/Tổng giá trị tài sản** | **Tỷ lệ đầu tư vào Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam/Tổng giá trị tài sản** | **Tỷ lệ đầu tư vào trái phiếu niêm yết và trái phiếu có cam kết mua lại của Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP/ Tổng giá trị tài sản** | **Thời hạn khắc phục theo quy định** | **Ngày khắc phục** | **Tuân thủ Quy định** |
| 17/05/2019 | (\*\*) | 20,317% | (\*\*) | 17/08/2019 | 31/08/2019 (\*) | Đã khắc phục sai lệch |
| 24/05/2019 | (\*\*) | 20,167% | (\*\*) |
| 31/05/2019 | (\*\*) | 20,360% | (\*\*) |
| 31/05/2019 (\*) | (\*\*) | 20,649% | (\*\*) |
| 07/06/2019 | (\*\*) | 20,642% | (\*\*) |
| 14/06/2019 | (\*\*) | 20,927% | (\*\*) |
| 21/06/2019 | 20,282% | 21,578% | (\*\*) |
| 28/06/2019 | 20,951% | (\*\*) | (\*\*) |
| 30/06/2019 (\*) | 21,059% | (\*\*) | (\*\*) |
| 05/07/2019 | 21,023% | (\*\*) | (\*\*) |
| 12/07/2019 | 21,145% | (\*\*) | (\*\*) |
| 19/07/2019 | 21,262% | (\*\*) | (\*\*) |
| 26/07/2019 | 21,477% | (\*\*) | (\*\*) |
| 31/07/2019 (\*) | 21,641% | (\*\*) | (\*\*) |
| 02/08/2019 | 21,639% | (\*\*) | (\*\*) |
| 09/08/2019 | 22,118% | (\*\*) | (\*\*) |
| 16/08/2019 | 22,186% | (\*\*) | (\*\*) |
| 23/08/2019 | 22,237% | (\*\*) | (\*\*) | Trong thời gian sớm nhất |
| 30/08/2019 | 22,387% | (\*\*) | (\*\*) |
| 20/12/2019 | (\*\*) | (\*\*) | 20,122% | 20/03/2020 | Chưa khắc phục sai lệch | |
| 27/12/2019 | (\*\*) | (\*\*) | 20,257% |
| 31/12/2019 (\*) | (\*\*) | (\*\*) | 20,300% |

(\*) Tại ngày

(\*\*) Tỷ lệ đầu tư tại các kỳ định giá này không phát sinh sai lệch

**5.**  **Báo cáo về hoạt động ủy quyền**

Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với các nội dung sau:

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ;

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Tỷ lệ so với lợi nhuận** | **Tỷ lệ so với chi phí hoạt động** | **Tỷ lệ so với thu nhập** |
| Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng | 0.27% | 2.01% | 0.24% |
| Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ | 0.38% | 2.85% | 0.34% |

b) Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ : Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ);



d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dư phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư : Tốt

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Tổng Giám đốc Công ty quản lý quỹ** |